TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2018/DS-PT
Ngày 21-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Thuấn

Bà Hoàng Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2018/QĐ-PT ngày 05/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Đường T, khu phố D, phường H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lại Hùng A, sinh năm 1979 (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2017).

Địa chỉ: Đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Ngọc M, sinh năm 1969

Địa chỉ: Đường T, khu phố D, phường H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đặng Ngọc M.

(Các đương sự: ông Hùng A và bà M có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: Bà và bà M có mối quan hệ là hàng xóm với nhau, bà cho bà M vay tiền hai lần, tổng cộng là 120.000.000 đồng, lần thứ nhất vay 100.000.000 đồng có làm biên nhận, lần thứ hai vay 20.000.000 đồng nên đến ngày 12/8/2017 âm lịch hai bên làm biên nhận bà M vay bà số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay là 07 ngày, lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng là 5%. Trong quá trình vay, bà M đóng lãi cho bà được 15.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà M trả cho bà nợ gốc là 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Đặng Ngọc M trình bày: Bà thừa nhận có nợ bà N số tiền 120.000.000 đồng, nhưng số tiền này bà vay của bà N nhiều lần, cụ thể:

Ngày 08/01/2017 âm lịch vay 30.000.000 đồng, lãi 200.000 đồng/ngày;

Ngày 27/01/2017 âm lịch vay 20.000.000 đồng, lãi 150.000 đồng/ngày;

Ngày 23/6/2017 âm lịch bà trả cho bà N số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày25/6/2017 âm lịch bà vay lại bà N 100.000.000 đồng, lãi 600.000 đồng/ngày;

Ngày 23/7/2017 âm lịch vay 30.000.000 đồng, bà trả góp 900.000 đồng/ngày.

Đến ngày 09/8/2017 bà trả cho bà N 16.000.000 đồng, khấu trừ tiền gốc và lãi thì bà còn nợ bà N số tiền 120.000.000 đồng như biên nhận đã ghi. Trong quá trình vay, bà có trả cho bà N tổng tiền lãi là khoảng 108.800.000 đồng, nhưng không có ký nhận biên nhận trả tiền với bà N.

Nay bà thừa nhận còn nợ bà N 120.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà N, nhưng bà xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng và yêu cầu xem xét lại phần tiền lãi mà bà đã trả cho bà N.

* Tại bản án sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn. Buộc bà Đặng Ngọc M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N 120.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả trong thi hành án và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 21/12/2017 bị đơn bà Đặng Ngọc M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án để đảm bảo sự công bằng, không thiệt thòi đến quyền lợi của gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện giảm bớt cho bà M 10.000.000 đồng, nên nay yêu cầu bà M trả lại cho bà N 110.000.000 đồng, yêu cầu trả hết nợ một lần, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà M yêu cầu Tòa án xem xét lại cho bà phần tiền lãi bà đã trả cho bà N là 108.800.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Ngọc M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý giảm bớt cho bị đơn 10.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, theo biên nhận nợ ngày 12/8/2017 âm lịch thể hiện bà M có vay của bà N số tiền 120.000.000 đồng, bà M cũng thừa nhận còn nợ lại bà N số tiền 120.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc bà M phải trả lại cho bà N số tiền 120.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý giảm bớt cho bà M 10.000.000 đồng, xét thấy sự tự nguyện này của đương sự không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện này và buộc bà M phải trả lại cho bà N số tiền gốc là 110.000.000 đồng.

[2] Bà M cho rằng: Trong quá trình vay, bà đã trả cho bà N tổng số tiền lãi là 108.800.000 đồng, khi trả tiền lãi thì hai bên không lập biên nhận và bà N cũng không thừa nhận đã nhận số tiền lãi này, tuy nhiên bà N có cung cấp cho Tòa án hai đĩa CD và một Usb ghi âm cuộc nói chuyện giữa vợ chồng bà N và con bà M để chứng minh cho lời khai của bà. Tuy nhiên qua xem xét, nhận thấy hai đĩa CD và Usb bà M cung cấp thể hiện: không rõ mặt những người nói chuyện; âm thanh,

hình ảnh không rõ và không thể hiện tiền lãi mà bà M đã trả cho bà N. Ngoài ra, bà M cũng không cung cấp thêm được chứng cứ để chứng minh. Do đó, Hội đồng phúc thẩm không có căn cứ để xem xét kháng cáo này của bà M.

[3] Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, tuy nhiên tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà N không đồng ý mà yêu cầu trả hết nợ một lần. Xét thấy, theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19-6-1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án nên cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu này của bà M là đúng quy định của pháp luật.

[4] Cấp sơ thẩm xác định lãi suất trong chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là chưa đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 thì "*Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*". Do đó, Hội đồng phúc thẩm thống nhất sửa bản án sơ thẩm, xác định lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Ngoài ra, đây là vụ án dân sự nhưng cấp sơ thẩm lại nhận định án phí hình sự sơ thẩm là không phù hợp; nên kiến nghị cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi giải quyết các vụ án sau.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo của bà M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

Về án phí sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên sửa lại án phí sơ thẩm cho đúng quy định của pháp luật.

- Bà M phải chịu án phí sơ thẩm là: 110.000.000 đồng x 5% = 5.500.000 đồng.

- Bà N được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Về án phí phúc thẩm: Bà M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Đặng Ngọc M.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N đối với bị đơn bà Đặng Ngọc M về vay tài sản.

Buộc bà Đặng Ngọc M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Tuyết N cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Đặng Ngọc M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N số tiền tạm ứng án phí đã nộp (do Lâm Thị Ánh H nộp thay) là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0009657 ngày 03/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Bà Đặng Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm:

Bà Đặng Ngọc M phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001711 ngày 25/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Bà M không phải nộp thêm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nhiên

***Nơi nhận*:**
-VKSND tỉnh Kiên Giang;
-TAND thành phố R;
-THA dân sự thành phố R;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.